

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL
Năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: *Công ty cổ phần thép Nhà bè - VNSTEEL*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305393838
- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 79.430.500.000 VND
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà văn phòng đại diện của Tổng Công ty thép Việt Nam tại TPHCM Số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.38298244
- Số fax: 08.38298245
- Địa chỉ Chi nhánh Nhơn Trạch: Lô II đường số 3 Khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn phú, xã Phú hội Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 061.3569672
- Số Fax: 061.3569673
- Website: NBSTEEL.VN
- Mã cổ phiếu (nếu có): TNB

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần thép Nhà bè được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty thép Nhà bè thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam, với tiền thân là Công ty thép Việt thành (1971), Nhà máy thép Việt Thành (1976), Nhà máy luyện cán thép Nhà bè (1981), Nhà máy thép Nhà bè (1992), Công ty thép Nhà bè (7/2007). Ngay sau đó Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa và được chính thức thành lập từ ngày 25/12/2007. Năm 2012 Công ty tiến hành di dời toàn bộ nhà xưởng sang KCN Nhơn Trạch II – Nhơn phú thuộc xã Phú hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Một số mốc và sự kiện quan trọng của Công ty:

+Ngày thành lập : 25/12/2007

+Ngày giao dịch trên sàn UPCOM 16/04/2010

+Ngày thành lập chi nhánh Nhơn Trạch: 01/11/2010

+Ngày khánh thành dự án di dời từ Quận 7 sang Nhơn Trạch: 31/05/2013

+Ngày đổi tên Công ty gần nhất: theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 5, ngày 05/4/2016, công ty đổi tên thành Công ty cổ phần thép Nhà bè - VNSTEEL

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề chính: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

Trong đó sản xuất kinh doanh thép xây dựng các loại là hoạt động chủ yếu, bao gồm

+Thép thanh tròn từ D10 – D40

+Thép góc đều cạnh từ V25 đến V80

- Địa bàn kinh doanh: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

+Các tỉnh miền Tây trên 50%,

+Các tỉnh miền Đông trên 30%,

+Xuất khẩu Campuchia trên 10%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Là công ty con của Tổng Công ty thép Việt Nam –CTCP, do công ty mẹ chiếm 69,07% vốn điều lệ

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

+Đại hội đồng cổ đông

+Hội đồng quản trị

Đến 31/12/2016, HĐQT Công ty có 5 thành viên

Ông Trần Quang

Chủ tịch chuyên trách



| | |
|----------------------|-------------------------------|
| Ông Lê Việt | Thành viên, Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Tính | Thành viên, Phó Tổng giám đốc |
| Ông Lê Minh Toàn | Thành viên |
| Ông Trương Bá Liêm | Thành viên |

+Ban kiểm soát

Đến ngày 31/12/2016, Ban kiểm soát có 3 thành viên:

| | |
|-----------------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Thiều | Trưởng ban chuyên trách |
| Ông Bùi Văn Vĩnh | Thành viên |
| Bà Cù Thị Thùy Linh | Thành viên |

+Ban Tổng giám đốc điều hành

Đến 31/12/2016, Ban điều hành Công ty có 3 thành viên

| | |
|----------------------|------------------------------|
| Ông Lê Việt | Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Tính | Phó Tổng giám đốc kỹ thuật |
| Ông Đỗ Ngọc Bằng | Phó Tổng giám đốc kinh doanh |

+Các phòng chuyên môn:

Phòng Tổ chức hành chính,
Phòng Tài chính kế toán,
Phòng Kế hoạch kinh doanh,
Phòng Kỹ thuật cơ điện an toàn,
Phòng Quản lý chất lượng

+Xưởng sản xuất cán thép công suất 180.000 tấn/năm

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2016

+Ổn định công nghệ, thiết bị, nhằm tăng năng suất lao động phù hợp với năng lực sản xuất. Đảm bảo hoàn thành sản lượng 120.000 tấn thép cán các loại, đạt lợi nhuận 20 tỷ sau thuế

+Cải thiện thu nhập cho người lao động tăng hơn so với 2015 (9,5 triệu đồng/người/tháng)

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+Từng bước phát triển thị trường nội địa

+Chủ động nguồn phôi thép bằng việc đầu tư dây chuyền luyện thép

+Đào tạo, phát triển đội ngũ lao động có trình độ, kỹ luật và kỹ năng nghề nghiệp cao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

+Tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa người lao động với Công ty, có trách nhiệm với xã hội

+Sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là sản phẩm có giá trị gia tăng cao

+Mở rộng thị trường xuất khẩu khu vực hiệp định TPP.

5. Các rủi ro:

5.1.Rủi ro về lao động

Năm 2016 nền kinh tế đã hồi phục và phát triển mạnh, nhiều doanh nghiệp sản xuất thép, cơ khí, vật liệu điện, xây dựng ... được thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất, kéo theo nhu cầu về lao động kỹ thuật tăng cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật đảm bảo được yêu cầu công việc sẽ có sự cạnh tranh trong thị trường lao động, có thể phát sinh biến động về lao động, phát sinh chi phí thôi việc, chi phí tuyển dụng đào tạo mới,...

5.2.Rủi ro đặc thù

Về biến động giá nguyên liệu đầu vào và sản phẩm

Nguyên liệu sản xuất chính (phôi thép) của Công ty phải mua hoàn toàn từ thị trường, với tỉ trọng trên 90% giá thành sản phẩm, nên sự biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Đặc biệt, nếu giá bán sản phẩm biến động ngược chiều giá nguyên liệu thì sẽ dẫn đến tình trạng lợi nhuận âm. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã có giải pháp đấu thầu cạnh tranh cung cấp phôi, tùy theo tình hình thị trường để cân đối kịp thời điều chỉnh về số lượng, giá, thời hạn giao nhận, chủng loại,... đối với nguyên liệu và sản phẩm, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về sự cạnh tranh cùng ngành

Hiện trên thị trường Việt nam có rất nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép xây dựng, trong đó có những tên tuổi lớn như Hòa Phát, Pomina, Thép Miền Nam, Vinakyoel, Gang Thép Thái Nguyên, Việt Đức, Việt Úc, Việt Hàn,... Thép Nhà bè có thể mạnh là doanh nghiệp có bề dày phát triển trên 40 năm, nằm trong hệ thống

thép xây dựng nhãn hiệu chữ /V/ truyền thống được thị trường và người tiêu dùng tin nhiệm từ lâu, trong đó dòng sản phẩm thép góc đều cạnh được người tiêu dùng tin cậy. Để tăng lợi thế cạnh tranh của mình, Thép Nhà bè không ngừng cải tiến công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện theo tinh thần luôn là Bạn là đối tác tin cậy của nhà phân phối và người tiêu dùng.

5.3. Rủi ro về tài chính

Về tỷ giá

Nguyên nhiên liệu của Công ty mua chủ yếu tại thị trường trong nước, sản phẩm bán ra trên 90% cho thị trường trong nước, nên sự biến động về tỷ giá ngoại tệ với VNĐ ít gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo nếu tăng cường xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên liệu thì có thể xảy ra rủi ro này.

Về lãi suất

Công ty cần sử dụng vốn vay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trong năm 2016, lãi suất ngân hàng tương đối ổn định ở mức hợp lý, cùng với chủ trương giảm bớt lệ thuộc vào nợ ngân hàng đã làm chi phí tài chính của Công ty giảm đáng kể so với 2015. Nhưng do lãi suất các Ngân hàng thương mại luôn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên rủi ro này vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi việc quản trị rủi ro phải luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường.

Về cháy nổ

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, Công ty hiện đang sử dụng hệ thống lò nung phối cân bằng nguồn nhiên liệu khí gas thấp áp sử dụng qua hệ thống cung cấp trực tiếp của Công ty Gas Nhơn Trạch. Hiệu quả mang lại là rất lớn, tuy nhiên nguy cơ cháy nổ do khí gas cũng rất dễ xảy ra. Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp an toàn như tăng cường huấn luyện công nhân vận hành, kiểm tra giám sát an toàn thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với trung tâm cung cấp,... Cho đến nay chưa xảy ra trường hợp mất an toàn nào.

Về nguồn nước

Nguồn nước Công ty đang sử dụng cho sản xuất là rất lớn (trên 50.000 m³/năm) được cung cấp từ CTCP cấp nước Nhơn Trạch. Với số lượng hàng ngàn doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, nguy cơ thiếu nước, chất lượng nước kém,... thỉnh thoảng vẫn xảy ra, ảnh hưởng tới lượng nước cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số liệu kết quả và hiệu quả SXKD năm 2016:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | 2016 | | |
|----|---|-----------|-----------|-----------|-----------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỉ lệ TH/ KH |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Sản lượng sản xuất (tấn) | 118.347 | 120.000 | 149.610 | 124,6% |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ (tấn) | 112.821 | 120.000 | 154.108 | 128,4% |
| 3 | Doanh thu thuần (Tr.đồng) | 1.234.606 | 1.310.000 | 1.474.769 | 112,5% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng) | 67.647 | 25.000 | 11.676 | 46,7% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng) | 56.401 | 20.000 | 9.213 | 46% |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (ROE) | 24,76% | | 5,16% | |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 18,84% | | 2,52% | |
| 8 | Lãi cơ bản/cổ phiếu | 2.214 | | 417 | |
| 9 | Thu nhập bình quân NLD (người/tháng) | 9.000.000 | 10.760 | 11.500 | 109% |

Công ty đã chủ động đánh giá lựa chọn nhà cung cấp phối đạt chất lượng với giá cạnh tranh, tiến độ giao hàng nhanh đáp ứng được nhu cầu sản xuất, từ đó giảm lượng tồn kho phối thép vào cuối tháng, giảm chi phí đầu vào.

Công ty đã áp dụng tốt Phương án QTSX kiểm soát được công nghệ sản xuất, từ đó giảm tiêu hao nguyên vật liệu đầu vào, các chỉ tiêu KTKT như: thép thời-gas-điện đều giảm so với định mức và giảm so với năm 2015, Tổng sản lượng sản xuất năm 2016 đạt 149.610 tấn (Vằn: 124.474 tấn; góc: 25.136 tấn), vượt 24,6% kế hoạch năm 2016, vượt 26,5% so với năm 2015.

Để đẩy mạnh tiêu thụ trong năm 2016, Công ty đã tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, tạo thuận lợi cho việc theo dõi hàng tồn kho và đơn đặt hàng của khách hàng, tối ưu hóa trong công tác bán hàng, nhờ đó giữ chân được khách hàng với mức tiêu thụ ổn định.

2. Tổ chức và nhân sự

305
CỘ
CỘ
HỆ
-V
ÁN 1

- Danh sách Ban điều hành:

| TT | Họ và tên | Trích ngang | Chức danh | Số cổ phần có quyền biểu quyết | |
|----|----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------------------|--------|
| | | | | Đại diện sở hữu | Sở hữu |
| 1 | Lê Việt | Kỹ sư cơ khí | Tổng giám đốc | 2.530.000 | 10.100 |
| 2 | Nguyễn Minh Tính | Kỹ sư cơ khí | Phó Tổng giám đốc | 1.725.000 | 11.500 |
| 3 | Đỗ Ngọc Bằng | Cử nhân tài chính kế toán | Phó Tổng giám đốc | | |
| 4 | Nguyễn Quốc Anh Dũng | Cử nhân Tài chính kế toán | Kế toán trưởng | | |

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

+ Ông Lê Phan Trường – Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu từ 01/3/2016

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động: 199

+ Công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác và Thỏa ước lao động tập thể

+ Việc áp dụng chính sách trả lương cho người lao động theo vị trí, chất lượng công việc, kỷ luật lao động trong nhiều năm qua phát huy hiệu quả tích cực, người lao động gắn bó, có trách nhiệm ngày càng cao với Công ty. Việc áp dụng thang bảng lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ với mức lương tối thiểu vùng 1 càng làm cho người lao động yên tâm cống hiến cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư tài chính: Không

- Đầu tư dự án: trong năm chưa có các dự án lớn, chỉ có các hạng mục sửa chữa lớn, đầu tư bổ sung và xây dựng cơ bản, với giá trị thực hiện là 32,027 tỉ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm/ % change |
|--|-----------|-----------|--------------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng | | | |
| Tổng giá trị tài sản (triệu đồng) | 299.292 | 365.164 | +22,01 |
| Doanh thu thuần (triệu đồng) | 1.234.606 | 1.474.769 | +19,45 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng) | 69.237 | 2.685 | -96,12 |
| Lợi nhuận khác (triệu đồng) | -1.589 | 8.991 | +665,83 |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 67.648 | 11.676 | 82,74 |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 56.401 | 9.213 | 83,67 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng | 2.214 | 417 | |
| Tổng giá trị tài sản/ Doanh thu/ Thuế và các khoản phải nộp/ Lợi nhuận trước thuế/ Lợi nhuận sau thuế/ | | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú/Note |
|---|----------|----------|--------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 2,3 | 1,13 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 0,99 | 0,35 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 23,88% | 51,08 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 31,38% | 104,43 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (C | 12,26 | 12,6 | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 4,13 | 4,04 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 4,57% | 0,62 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 24,76% | 5,16 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 18,84% | 2,52 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 5,61% | 0,18 | |
| | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 đồng
- Số cổ phần: 11.500.000 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.500.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Tổng số cổ đông: 450 trong đó
- Cổ đông lớn (chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên) 2 cổ đông
- Cổ đông là tổ chức: 8 cổ đông
- Cổ đông trong nước: 425 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: : trong năm tiến hành hủy kết quả phát hành riêng lẻ 14.000.000 cổ phiếu năm 2013 cho Tổng Công ty thép Việt Nam, từ tháng 10 năm 2016.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ :

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 21.009 cổ phiếu
- Tình hình giao dịch: Không

e) Các chứng khoán khác : Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 155.687 tấn thép thời

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tổng năng lượng điện tiêu thụ kế hoạch: 16.457.100 Kwh (149.610 tấn x 110 kwh)
- Tổng năng lượng điện tiêu thụ: 13.988.706 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : 2.468.394 kwh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc

93
IG
PH
NH
IST
T.P.H

sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

-Sáng kiến cải tạo dàn đóng bó đa năng

-Sáng kiến làm mát động cơ POMINI

6.3. *Tiêu thụ nước*: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

-Nguồn cung: Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

-Số lượng sử dụng: 58.194 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 46.555 m³ chiếm tỷ lệ 80 %

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/

-Tổng số lao động: 199

-Lương bình quân: 11,5 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/

-Tổ chức nhà ăn tập thể

-Có trạm y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp hàng năm

-Bồi dưỡng độc hại cho công nhân trực tiếp sản xuất bằng hiện vật (sữa tươi)

-Có Thỏa ước lao động tập thể với những nội dung có lợi hơn cho NLĐ (sinh nhật, lễ Tết, hiếu hĩ,

phúng điếu đám tang, hỗ trợ học tập, trợ cấp khó khăn, thanh toán tiền tàu xe đi phép...)

c) Hoạt động đào tạo người lao động/

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:

+Cán bộ quản lý 40 giờ

+Nhân viên nghiệp vụ 20 giờ

+Công nhân kỹ thuật 20 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

+Huấn luyện kỹ thuật an toàn – Bảo hộ lao động

+Huấn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm

+Chương trình Quản trị môi trường làm việc

+Đào tạo chuyển nghề

+Đào tạo nâng bậc, nâng ngạch

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

-Tham gia chương trình xã hội từ thiện của Tổng Công ty thép Việt Nam

-Phụng dưỡng Mẹ VNAH và thương binh nặng

-Ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ Vì người nghèo tại địa phương.

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*: Chưa có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Năm 2016, do tình hình không thuận lợi, đặc biệt việc áp thuế tự vệ lên phôi thép và thép thanh nhập khẩu đã làm cho giá phôi nội địa tăng nhanh và khó lường, tạo khoảng chênh lệch giữa giá phôi và giá bán thành phẩm thấp, hiệu quả kinh doanh giảm, nhất là vào quý III không hiệu quả do giá phôi cao bất thường. Tuy nhiên do kịp thời đưa một số hạng mục đầu tư vào hoạt động đã góp phần tăng năng suất lao động đối với tất cả các dòng sản phẩm, cùng với việc thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý, sản lượng tiêu thụ của Công ty đã tăng trên 37% so với năm 2015, góp phần quan trọng vào hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng năm 2016. Đời sống thu nhập của NLĐ được cải thiện, nội bộ đoàn kết, dân chủ cơ sở được phát huy. Các nghĩa vụ với Nhà nước, với xã hội được thực hiện đầy đủ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+Thực hiện có hiệu quả các phương án quản trị trong Công ty

+Giảm các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật trong SXKD so với 2015

+Áp dụng công nghệ cán hàng dọc cho cán thô

+Năng suất lao động tăng 24 % so với 2015.

2. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản

- +Sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty
- +Không có nợ xấu, nợ khó đòi

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả đều trong phạm vi kiểm soát
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay : Biến động về tỉ giá và chênh lệch lãi vay trong năm 2016 ảnh hưởng không đáng kể đến SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình hành động 2016 để phối hợp các hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu đạt hiệu quả tốt nhất trong SXKD.
- Thực hiện phương án quản trị môi trường làm việc
- Bổ sung sửa đổi Thỏa ước LĐTT 2016 có nhiều nội dung có lợi hơn cho NLĐ theo quy định pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm nội địa, tăng cường xuất khẩu trong khu vực
- Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ cán thép, giảm giá thành chung.
- Chuẩn bị đầu tư xưởng luyện thép để chủ động nguồn phôi, giảm giá thành chung, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Nhất trí với số liệu của kiểm toán độc lập

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)
- Các chỉ tiêu môi trường đều được kiểm soát trong mức quy định
 - Riêng về điện năng, năm 2016 tiết kiệm 17 % so với năm 2015.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Có sự quan tâm chu đáo đầy đủ đến NLĐ, đảm bảo việc làm, thu nhập tăng hơn 10% so với 2015.
 - Thường xuyên bổ sung những chính sách liên quan đến NLĐ như: Thỏa ước LĐTT, quy chế trả lương, các chế độ phúc lợi (tham quan, nghỉ mát, bồi dưỡng độc hại,...)
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- Ung hộ tích cực các hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương nơi đăng ký kinh doanh và nơi sản xuất
 - Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do địa phương phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Với sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CBCNV, năm 2016 Công ty đã vượt chỉ tiêu sản lượng của Đại hội đồng cổ đông 2016 đề ra. duy trì SXKD đảm bảo cung ứng sản phẩm ra thị trường, từng bước củng cố thương hiệu sản phẩm thép chữ V và chuẩn bị cho đầu tư giai đoạn 2 Dự án di dời. Tuy nhiên do ảnh hưởng của thị trường và chính sách áp thuế tự vệ của Nhà nước với phôi thép nên chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 50% kế hoạch.

Duy trì tốt môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu môi trường trong phạm vi cho phép, tích cực xây dựng, cải tạo thiết bị công nghệ để giảm thiểu đến mức thấp nhất ô nhiễm, phát động phong trào Xanh – Sạch – Đẹp trong toàn Công ty.

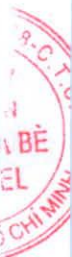
Tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện của địa phương. Chăm lo thường xuyên đến đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Mặc dù trong năm 2015 còn nhiều khó khăn, bản thân các thành viên Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn. Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, công tác đầu tư xưởng luyện thép chậm triển khai do các khó khăn về thủ tục và điều kiện đặc thù của Công ty, Ban điều hành đã cố gắng làm hết trách nhiệm được giao, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Khẩn trương triển khai giai đoạn hoàn thiện dự án di dời với việc đầu tư xây dựng xưởng luyện thép.
- Từng bước mở rộng thị trường nội địa, củng cố thị trường xuất khẩu khu vực



- Thường xuyên đào tạo, phát triển đội ngũ lao động đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| TT | Họ và tên | Trích ngang | Chức danh | Số cổ phần có quyền biểu quyết | |
|----|------------------|---------------------------|--|--------------------------------|--------|
| | | | | Đại diện sở hữu | Sở hữu |
| 1 | Trần Quang | Cử nhân Kinh tế đối ngoại | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 2.537.859 | |
| 2 | Lê Việt | Kỹ sư cơ khí | UV HĐQT Tổng giám đốc | 2.530.000 | 10.100 |
| 3 | Nguyễn Minh Tính | Kỹ sư cơ khí | UV HĐQT Phó Tổng giám đốc | 1.725.000 | 11.500 |
| 4 | Trương Bá Liêm | Kỹ sư cơ khí | Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) | 1.150.000 | |
| 5 | Lê Minh Toàn | Kỹ sư cơ khí | Ủy viên Hội đồng quản trị | 1.150.000 | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập tiểu ban mà giao cho từng thành viên HĐQT phụ trách từng nội dung liên quan.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lần họp trong năm: 4 lần

- Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 2 lần

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trương Bá Liêm là Phó Tổng giám đốc CTCP Kim khí TP Hồ Chí Minh, đại diện sở hữu 1,15 triệu cổ phiếu, là thành viên không điều hành Công ty, cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP thép Nhà bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD thép xây dựng.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

4/5 thành viên HĐQT đã học và có chứng chỉ quản trị công ty đại chúng do UBCKNN tổ chức (Ông Lê Minh Toàn – thành viên không điều hành – chưa được dự học tại Công ty)

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Trích ngang | Chức danh | Số cổ phần có quyền biểu quyết | |
|----|-------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------|
| | | | | Đại diện sở hữu | Sở hữu |
| 1 | Nguyễn Quốc Thiệu | Cử nhân Tài chính kế toán | Trưởng ban kiểm soát | 0 | 0 |
| 2 | Bùi Văn Vĩnh | Cử nhân quản trị kinh doanh | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0 |
| 3 | Cù Thị Thùy Linh | Cử nhân Quản trị kinh doanh | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Họp mỗi quý 1 lần

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| TT | Họ và tên | Chức danh | Lương năm | Thù lao năm | Thu nhập khác |
|----|-------------------|-------------------|-------------|-------------|---------------|
| 1 | Trần Quang | Chủ tịch HĐQT | 336.000.000 | Không | Không |
| 2 | Lê Việt | Tổng giám đốc | 324.000.000 | Không | Không |
| 3 | Nguyễn Minh Tính | Phó Tổng giám đốc | 252.000.000 | Không | Không |
| 4 | Lê Minh Toàn | Thành viên HĐQT | | 48.000.000 | Không |
| 5 | Trương Bá Liêm | Thành viên HĐQT | | 48.000.000 | Không |
| 6 | Nguyễn Quốc Thiệu | Trưởng ban KS | 228.000.000 | Không | Không |

| | | | | | |
|---|------------------|----------------|-------------|------------|-------|
| 7 | Bùi Văn Vĩnh | Thành viên BKS | 180.000.000 | 36.000.000 | Không |
| 8 | Cù Thị Thùy Linh | Thành viên BKS | | 36.000.000 | Không |
| 9 | Đỗ Ngọc Bằng | Phó TGĐ | 228.800.000 | Không | Không |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

-Với Tổng Công ty thép Việt Nam (thông qua Công ty TNHH MTV Thép miền Nam-VNSTEEL): giao dịch mua phôi và bán sản phẩm

-Với CTCP Kim khí TP Hồ Chí Minh: giao dịch bán sản phẩm

-Với Công ty SMC : giao dịch bán sản phẩm

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính (đã được công bố thông tin ngày 15/2/2017)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 




Lê Việt
Tổng giám đốc

